

Số: 508/QĐ-UBND

An Thành, ngày 26 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách Nhà nước năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã An Thành về việc phê chuẩn quyết toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 194/TTr-KT ngày 23 tháng 3 năm 2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho Ủy ban nhân dân xã An Thành.

(Theo các biểu chi tiết đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- UBND TP;
- Sở Tài chính TP;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;
- Các ban HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT.

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Ngô Thị Thu



An Thành, ngày 26 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO

Về Công khai thuyết minh quyết toán ngân sách xã năm 2025

Căn cứ Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các cấp, các ngành, các đơn vị thành phố Hải Phòng sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 04/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã An Thành kỳ họp thứ nhất về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 xã An Thành sau sắp xếp; Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân xã An Thành về điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; điều chỉnh thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách xã An thành năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 5/8/2025 của UBND xã An Thành về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và kế hoạch đầu tư công xã An Thành sau sắp xếp năm 2025; Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND xã An Thành về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách xã An Thành năm 2025;

UBND xã công khai thuyết minh quyết toán ngân sách năm 2025, như sau:

A. Công khai số liệu quyết toán ngân sách xã năm 2025, như sau:

1. Nội dung công khai:

Công khai số liệu quyết toán chi tiết ngân sách xã năm 2025 theo Thông tư 343/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 30/12/2016 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

2. Hình thức công khai

Công khai trên trang thông tin điện tử <http://anthanh.haiphong.gov.vn>.

3. Thời điểm công khai

Báo cáo công khai quyết toán ngân sách xã năm 2025 trình Hội đồng nhân dân xã được công khai vào ngày 26/3/2026.

B. Thuyết minh quyết toán ngân sách xã năm 2025

I. QUYẾT TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn.

Căn cứ Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ



lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương thành phố Hải Phòng; sửa đổi, bổ sung quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên và vốn đầu tư công ngân sách địa phương năm 2025, sau khi sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2025 của xã An Thành được UBND thành phố và HĐND xã giao trên cơ sở hợp nhất dự toán thu ngân sách của 3 xã gồm xã Ngũ Phúc, Kim Tân và Kim Đính trước khi sáp nhập là 10 tỷ 063 triệu đồng, bao gồm các khoản thu: thu ngoài quốc doanh (của các cá nhân, hộ kinh doanh trên địa bàn); thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; thuế thu nhập cá nhân; phí, lệ phí; thu tiền sử dụng đất; thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác; thu khác ngân sách.

Từ 01/7/2025, sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, việc hạch toán các khoản thu ngân sách nhà nước được gắn với mã địa bàn nên có một số khoản thu tuy không thuộc phân cấp nguồn thu của ngân sách địa phương vẫn được tính vào thu ngân sách nhà nước trên địa bàn. Sự thay đổi này góp phần phản ánh rõ hơn quy mô kinh tế của địa phương nói chung, quy mô thu ngân sách nhà nước trên địa bàn nói riêng, cụ thể như sau:

Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn đạt **264.640.205.278 đồng**, trong đó:

- Thu nội địa: 87.274.200.635 đồng
- Thu các khoản huy động, đóng góp: 204.660.000 đồng
- Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: 10.065.837.413 đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 167.095.507.230 đồng

2. Thu ngân sách địa phương

Tổng thu ngân sách địa phương: **200.918.859.503 đồng**. Bao gồm:

2.1. Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp: 23.552.854.860 đồng, bằng 234,1% dự toán Hội đồng nhân dân xã giao với 8/8 chỉ tiêu vượt dự toán được giao, trong đó:

- Thu ngoài quốc doanh: 725.562.055 đồng, bằng 131,7% dự toán.
- Thuế thu nhập cá nhân: 4.826.144.513 đồng, bằng 1.407% dự toán.
- Thu lệ phí trước bạ: 2.795.877.752 đồng, bằng 353,9% dự toán.
- Phí, lệ phí: 160.714.000 đồng, bằng 180,6% dự toán.
- Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 491.754.863 đồng, bằng 124,5% dự toán.
- Thu tiền sử dụng đất: 13.706.241.500 đồng, bằng 182,7% dự toán.
- Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác: 450.646.062 đồng, bằng

170,1% dự toán.

- Thu khác ngân sách: 395.914.115 đồng, bằng 304,5% dự toán.

2.2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 167.095.507.230 đồng, trong đó:

- Thu bổ sung cân đối ngân sách: 111.254.000.000 đồng.

- Thu bổ sung có mục tiêu: 55.841.507.230 đồng.

2.3. Thu các khoản huy động đóng góp: 204.660.000 đồng

2.4. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: 10.065.837.413 đồng.

3. Chi ngân sách địa phương

Tổng chi ngân sách địa phương: **200.918.692.503** đồng, bằng 165,61% dự toán HĐND xã giao. Bao gồm:

3.1. Chi đầu tư phát triển: 30.417.216.936 đồng, đạt 405% so kế hoạch giao và đạt 99,8% so vốn ngân sách xã quản lý.

3.2. Chi thường xuyên: 153.120.381.808 đồng, trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục: 78.317.581.320 đồng, đạt 109,39% so kế hoạch.

- Chi sự nghiệp quốc phòng: 1.665.704.461 đồng, đạt 108,87% so kế hoạch

- Chi sự nghiệp an ninh trật tự: 1.500.384.732 đồng, đạt 107,71% so kế hoạch,

- Chi sự nghiệp y tế: 29.951.840 đồng, đạt 99,84% so kế hoạch,

- Chi sự nghiệp văn hoá thông tin: 353.241.177 đồng, đạt 87,44% so kế hoạch

- Chi sự nghiệp phát thanh truyền thanh: 258.818.900 đồng, đạt 122,6% so kế hoạch,

- Chi sự nghiệp thể dục thể thao: 235.489.000 đồng, đạt 104,66% so kế hoạch,

- Chi sự nghiệp môi trường: 1.125.551.170 đồng, đạt 100,5% so kế hoạch.

- Chi các hoạt động kinh tế: 4.528.605.971 đồng, đạt 190,84% so kế hoạch.

- Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: 51.171.988.812 đồng, đạt 200,84% so kế hoạch.

- Chi sự nghiệp bảo đảm xã hội: 13.933.064.425 đồng, đạt 259,7% so kế hoạch.

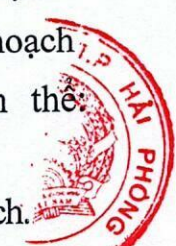
(Trong đó, nguồn dự phòng ngân sách đã phân bổ chi các sự nghiệp là 3.902.000.000 đồng, đạt 100% so dự toán giao và được sử dụng cho các nhiệm vụ cấp thiết chưa được bố trí trong dự toán đầu năm).

3.2. Chi chuyển nguồn sang năm sau: 17.195.793.759 đồng, trong đó:

- Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội: 6.397.522.967 đồng.

- Kinh phí giao tự chủ các đơn vị sự nghiệp công lập: 162.586.442 đồng.

- Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9 năm thực hiện dự toán: 6.601.595.078 đồng.



- Các khoản tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách được sử dụng theo quy định: 4.034.089.272 đồng (Trong đó, nguồn tăng thu tiền sử dụng đất là 3.511.751.255 đồng; dự toán còn lại của các đơn vị, tiết kiệm chi là: 522.338.017 đồng).

3.4. Chi nộp trả ngân sách cấp trên: 185.300.000 đồng

4. Kết dư ngân sách địa phương: 167.000 đồng.

Trên đây là nội dung báo cáo công khai thuyết minh quyết toán ngân sách xã năm 2025 ./.

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025*(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)**(Kèm theo Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2026 của UBND xã An Thành)*

ĐVT: triệu đồng

Nội dung thu	Quyết toán	Nội dung chi	Quyết toán
TỔNG SỐ THU	200.918.860	TỔNG SỐ CHI	200.918.693
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	1.211.934	I. Chi đầu tư phát triển	30.417.217
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	22.545.582	II. Chi thường xuyên	153.120.382
III. Thu bổ sung	167.095.507	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau	17.195.794
- Bổ sung cân đối	111.254.000		
- Bổ sung có mục tiêu	55.841.507		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước		IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	185.300
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước	10.065.837		
Kết dư ngân sách	0		0,16

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

ĐVT: 1.000 đồng

(Kèm theo Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2026 của UBND xã An Thành)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		So sánh (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG SỐ THU	164.041.000	121.317.000	264.640.205	200.918.860	161,33	165,61
I	Các khoản thu 100%	484.000	484.000	1.598.618	1.211.934	330,29	250,40
	Phí, lệ phí	89.000	89.000	234.462	160.714	263,44	180,58
	Thu quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản	265.000	265.000	450.646	450.646	170,06	170,06
	Thu phạt, thu khác theo quy định	130.000	130.000	708.850	395.914	545,27	304,55
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			204.660	204.660		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	52.303.000	9.579.000	85.880.243	22.545.582	164,20	235,36
	- Thuế thu nhập cá nhân	429.000	343.000	6.072.249	4.826.145	1.415,44	1.407,04
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	395.000	395.000	555.308	491.755	140,58	124,49
	- Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý			1.541.153			
	- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	689.000	551.000	9.908.728	725.562	1.438,13	131,68
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
	- Lệ phí trước bạ nhà đất	790.000	790.000	7.595.684	2.795.878	961,48	353,91
	- Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			1.089.955			
	- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển						
	- Thu tiền sử dụng đất	50.000.000	7.500.000	59.117.166	13.706.242	118,23	182,75
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			10.065.837	10.065.837		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	111.254.000	111.254.000	167.095.507	167.095.507	150,19	150,19
	- Bổ sung cân đối	111.254.000	111.254.000	111.254.000	111.254.000	100	100
	- Bổ sung có mục tiêu			55.841.507	55.841.507		


QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

(Kèm theo Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2026 của UBND xã An Thành)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN (bao gồm cả số bổ sung + điều chỉnh)			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT (%)		
		TỔNG CỘNG	ĐẦU TƯ PT	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG CỘNG	ĐẦU TƯ PT	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG CỘNG	ĐẦU TƯ PT	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	121.317.000	7.500.000	113.817.000	200.918.693	30.417.217	170.501.476	165,61	405,56	149,8
	<i>Trong đó:</i>									
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	71.595.000		71.595.000	89.333.567	11.015.986	78.317.581	124,78	#DIV/0!	109,4
2	Chi khoa học và công nghệ	0			0					
3	Chi quốc phòng	1.530.000		1.530.000	1.665.704		1.665.704	108,87		108,9
4	Chi an ninh	1.393.000		1.393.000	1.500.385		1.500.385	107,71		107,7
5	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	30.000		30.000	29.952		29.952		#DIV/0!	99,8
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	404.000		404.000	353.242		353.242	87,44		87,4
7	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	211.000		211.000	258.819		258.819	122,66		122,7
8	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	225.000		225.000	235.489		235.489	104,66		104,7
9	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.120.000		1.120.000	1.125.551		1.125.551	100,50		100,5
10	Chi hoạt động kinh tế	2.373.000		2.373.000	8.898.589	4.369.983	4.528.606	374,99	#DIV/0!	190,8
11	Chi hoạt động quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	32.979.000	7.500.000	25.479.000	63.819.074	12.647.085	51.171.989	193,51		200,8
12	Chi đảm bảo xã hội	5.365.000		5.365.000	16.317.227	2.384.163	13.933.064	304,14		259,7
13	Tiết kiệm 10% thực hiện NQ173/NQCP	190.000		190.000	0			0,00		0,0
14	Dự phòng ngân sách	3.902.000		3.902.000	0					0,0
15	Chi nộp ngân sách cấp trên	0			185.300		185.300			
16	Chi chuyển nguồn năm sau	0			17.195.794		17.195.794			

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

(Kèm theo Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2026 của UBND xã An Thành)

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	Danh mục dự án	Dự toán					Giá trị đã thanh toán năm 2025					
		Tổng số	NSDP	Trong đó			Tổng số	Trong đó:				
				Tập trung	Thu tiền đất	Khác		Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	NSDP	Trong đó		
									Tập trung	Thu tiền đất	Nguồn đóng góp	
A	B	I=2	2=3+4+5	3	4	5	6=8	7	8=9+10+11	9	10	11
	TỔNG SỐ	30.492.779	30.492.779	20.093.628	10.194.491	204.660	30.417.217	30.417.217	30.417.217	20.018.233	10.194.324	204.660
A	CHI ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN THEO LĨNH VỰC	30.492.779	30.492.779	20.093.628	10.194.491	204.660	30.417.217	30.417.217	30.417.217	20.018.233	10.194.324	204.660
I	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	11.086.752	11.086.752	5.847.948	5.238.804		11.015.986	11.015.986	11.015.986	5.777.182	5.238.804	
1	NLH 2 tầng 6 phòng trường Mầm non Kim Đính	5.845.967	5.845.967	1.822.283	4.023.684		5.845.684	5.845.684	5.845.684	1.822.000	4.023.684	
2	Nhà đa năng trường Tiểu học Kim Đính	577.716	577.716	577.716			577.717	577.717	577.717	577.717		
3	Cải tạo NLH 1 tầng 4 phòng trường Mầm non Kim Tân	944.411	944.411	834.000	110.411		944.411	944.411	944.411	834.000	110.411	
4	Nhà nhạc họa và lán tôn trường Mầm non Kim Tân	287.138	287.138	270.000	17.138		287.138	287.138	287.138	270.000	17.138	
5	Nhà vòm khu thực nghiệm, các hạng mục phụ trợ trường Mầm non Kim Tân	441.846	441.846	321.000	120.846		441.846	441.846	441.846	321.000	120.846	

TT	Danh mục dự án	Dự toán					Giá trị đã thanh toán năm 2025					
		Tổng số	NSDP	Trong đó			Tổng số	Trong đó:				
				Tập trung	Thu tiền đất	Khác		Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	NSDP	Trong đó		
									Tập trung	Thu tiền đất	Nguồn đóng góp	
6	Trường Tiểu học Kim Tân, hạng mục: nhà bếp ăn, nghỉ bán trú 2 tầng	408.774	408.774	244.000	164.774		408.774	408.774	408.774	244.000	164.774	
7	Trường Tiểu học Kim Tân, hạng mục: Nhà đa năng	662.052	662.052	546.000	116.052		662.052	662.052	662.052	546.000	116.052	
8	Nâng tầng 3 NLH 2 tầng 10 phòng móng 3 tầng trường Tiểu học trung tâm xã Ngũ Phúc (cũ)	731.461	731.461	422.000	309.461		731.461	731.461	731.461	422.000	309.461	
9	NLH 2 tầng 10 phòng móng 3 tầng trường Tiểu học trung tâm xã Ngũ Phúc (cũ)	376.438	376.438		376.438		376.438	376.438	376.438		376.438	
10	Trường Tiểu học Kim Tân, hạng mục: Bể bơi và nhà thay đồ	100.000	100.000	100.000			29.516	29.516	29.516	29.516		
11	Cải tạo công, tường rào trường THCS Kim Tân	214.000	214.000	214.000			214.000	214.000	214.000	214.000		
12	Cải tạo sân vườn trường Tiểu học Kim Tân	496.949	496.949	496.949			496.949	496.949	496.949	496.949		
II	Chi các hoạt động kinh tế	4.370.147	4.370.147	2.218.000	2.152.147		4.369.983	4.369.983	4.369.983	2.218.000	2.151.983	
1	Xây dựng tuyến đường trục xã (Từ Quốc lộ 17B đến ngã tư đội 8)	3.521.310	3.521.310	2.000.000	1.521.310		3.521.302	3.521.302	3.521.302	2.000.000	1.521.302	



TT	Danh mục dự án	Dự toán					Giá trị đã thanh toán năm 2025					
		Tổng số	NSDP	Trong đó			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	NSDP	Trong đó		
				Tập trung	Thu tiền đất	Khác				Tập trung	Thu tiền đất	Nguồn đóng góp
2	Cải tạo tuyến đường giao thông nội đồng Sông Mới bãi đội 5	40.378	40.378		40.378		40.378	40.378	40.378		40.378	
3	Xây dựng đường giao thông nội đồng đoạn từ Giếng Lợ Chiềng Ngai xã Ngũ Phúc (cũ)	130.185	130.185		130.185		130.029	130.029	130.029		130.029	
4	Nâng cấp mở rộng đường giao thông nông thôn Dường Mông xã Ngũ Phúc (cũ) (đoạn từ nhà ông Thi đến nhà ông Nhân)	388.140	388.140		388.140		388.140	388.140	388.140		388.140	
5	Xây dựng đường giao thông nội đồng khu vực độc sâu thôn Dường Mông, xã Ngũ Phúc (cũ)	62.848	62.848		62.848		62.848	62.848	62.848		62.848	
6	Xây dựng đường giao thông nội đồng từ đội 18 đến bãi cao thôn Bằng Lai, xã Ngũ Phúc (cũ)	9.286	9.286		9.286		9.286	9.286	9.286		9.286	
7	Tuyến đường nội đồng từ đường nhựa đến nghĩa trang thôn Viên Chử (đường bà Lịch) xã Kim Tân (cũ)	218.000	218.000	218.000			218.000	218.000	218.000	218.000		
III	Chi các hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	12.651.717	12.651.717	10.056.680	2.390.377	204.660	12.647.085	12.647.085	12.647.085	10.052.051	2.390.374	204.660



TT	Danh mục dự án	Dự toán					Giá trị đã thanh toán năm 2025					
		Tổng số	NSDP	Trong đó			Tổng số	Trong đó:				
				Tập trung	Thu tiền đất	Khác		Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	NSDP	Tập trung	Thu tiền đất	Nguồn đóng góp
1	Xây dựng trạm y tế xã Kim Đính	1.154.233	1.154.233	600.000	554.233		1.154.233	1.154.233	1.154.233	600.000	554.233	
2	Xây dựng trụ sở công an xã Kim Tân	1.636.648	1.636.648	1.525.000	111.648		1.636.648	1.636.648	1.636.648	1.525.000	111.648	
3	Nhà văn hóa thôn Thiên Đông	320.000	320.000		320.000		320.000	320.000	320.000		320.000	
4	Cải tạo sửa chữa Hội trường trung tâm xã Kim Tân	917.972	917.972	799.000	118.972		917.972	917.972	917.972	799.000	118.972	
5	Cải tạo nhà văn hóa thôn Viên Chử, hạng mục Tôn nền sân, nhà để xe nhà văn hóa	483.330	483.330	454.000	29.330		483.330	483.330	483.330	454.000	29.330	
6	Cải tạo sân vườn nhà văn hóa thôn Hải Ninh	291.760	291.760	276.000	15.760		291.760	291.760	291.760	276.000	15.760	
7	Sửa chữa cải tạo hàng rào, rãnh thoát nước UBND xã Kim Tân	940.120	940.120	884.000	56.120		940.120	940.120	940.120	884.000	56.120	
8	Nhà vệ sinh UBND xã Kim Tân	488.172	488.172	459.000	29.172		488.172	488.172	488.172	459.000	29.172	
9	Điểm dân cư số 5 thôn Hải Ninh	191.115	191.115		191.115		191.115	191.115	191.115		191.115	
10	Điểm dân cư số 2 thôn Viên Chử	186.563	186.563		186.563		186.560	186.560	186.560		186.560	



TT	Danh mục dự án	Dự toán					Giá trị đã thanh toán năm 2025					
		Tổng số	NSDP	Trong đó			Tổng số	Trong đó:				
				Tập trung	Thu tiền đất	Khác		Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	NSDP	Trong đó		
										Tập trung	Thu tiền đất	Nguồn đóng góp
11	Điểm dân cư số 3 thôn Viên Chừ	190.179	190.179		190.179		190.179	190.179		190.179		
12	Điểm dân cư số 1 thôn Viên Chừ	186.667	186.667		186.667		186.667	186.667		186.667		
13	Điểm dân cư số 4 thôn Viên Chừ	190.100	190.100		190.100		190.100	190.100		190.100		
14	Trụ sở công an xã Kim Đính	1.748.432	1.748.432	1.700.000	48.432		1.748.432	1.748.432	1.748.432	1.700.000	48.432	
15	Xây dựng trụ sở công an xã Ngũ Phúc	1.138.086	1.138.086	976.000	162.086		1.138.086	1.138.086	1.138.086	976.000	162.086	
16	Lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư mới xã Ngũ Phúc	239.951	239.951	239.951			235.322	235.322	235.322	235.322		
17	Xây dựng nhà văn hóa thôn Thiên Đông	204.660	204.660			204.660	204.660	204.660	204.660			204.660
18	Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ xã Kim Tân (cũ)	389.000	389.000	389.000			389.000	389.000	389.000	389.000		
19	San lấp và xây mới công, hàng rào nghĩa trang liệt sỹ xã Kim Tân (cũ)	631.000	631.000	631.000			631.000	631.000	631.000	631.000		
20	Xây dựng kè mương giáp điểm dân cư mới thôn Thiên Đông và mở rộng cầu vào trường THCS Kim Tân	307.000	307.000	307.000			307.000	307.000	307.000	307.000		

TT	Danh mục dự án	Dự toán					Giá trị đã thanh toán năm 2025					
		Tổng số	NSDP	Trong đó			Tổng số	Trong đó:				
				Tập trung	Thu tiền đất	Khác		Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	NSDP	Trong đó		
										Tập trung	Thu tiền đất	Nguồn đóng góp
21	Xây kè đường vào trạm y tế xã Kim Tân	434.000	434.000	434.000			434.000	434.000	434.000	434.000		
22	Nhà làm việc một cửa, nhà xe, nhà vệ sinh và sân bê tông trụ sở UBND xã Ngũ Phúc (cũ)	382.729	382.729	382.729			382.729	382.729	382.729	382.729		
IV	Chi đảm bảo xã hội	2.384.163	2.384.163	1.971.000	413.163		2.384.163	2.384.163	2.384.163	1.971.000	413.163	
1	San lấp và xây mới công tường rào nghĩa trang liệt sỹ xã Kim Tân (cũ)	40.690	40.690		40.690		40.690	40.690	40.690		40.690	
2	Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ xã Kim Tân (cũ)	52.280	52.280		52.280		52.280	52.280	52.280		52.280	
3	Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ xã Kim Tân hạng mục Sân vườn, kỳ đài, nhà bia, cột cờ, mộ liệt sỹ	43.109	43.109		43.109		43.109	43.109	43.109		43.109	
4	Xây mới công nghĩa trang liệt sỹ xã Kim Tân	265.995	265.995		265.995		265.995	265.995	265.995		265.995	
5	Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ xã Kim Đính	11.089	11.089		11.089		11.089	11.089	11.089		11.089	
6	Cải tạo nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Kim Tân. Hạng mục: Sân vườn, kỳ đài, nhà bia, cột cờ, mộ liệt sỹ	1.971.000	1.971.000	1.971.000			1.971.000	1.971.000	1.971.000	1.971.000		

UBND XÃ AN THÀNH

Biểu số 120/CKTC-NSNN

THỰC HIỆN THU CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2025 (TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2025)

(Kèm theo Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2026 của UBND xã An Thành)



ĐVT: triệu đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	THU	CHI	Chênh lệch (+)(-)	THU	CHI	Chênh lệch (+) (-)
TỔNG SỐ	116.743.357	93.394.686	23.348.671	74.449.483	-	74.449.483
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	116.743.357	93.394.686	23.348.671	74.449.483	-	74.449.483
<i>Trong đó, Thu hộ:</i>	116.743.357	93.394.686	23.348.671	74.449.483	-	74.449.483
- Quỹ phòng chống thiên tai	116.743.357	93.394.686	23.348.671	74.449.483	-	74.449.483